TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 68/2026/HS-ST Ngày: 30/6/2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bồ Thị Hoa
2. Ông Phạm Thanh Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T sinh ngày 26 tháng 10 năm 1995. Tại tỉnh Lào Cai. Số CCCD: 015095004898, ngày cấp 06/10/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Q và bà Lương Thị T1; có vợ là Phạm Ngọc A (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/6/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L - có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường N, tỉnh Ninh Bình – vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm L, xã L, tỉnh Phú Thọ – vắng mặt.

3. Chị Triệu Thị N, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Xóm M, xã Đ, tỉnh Phú Thọ – vắng mặt.

4. Anh Cháng Văn L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang – vắng mặt.

5. Anh Vũ Xuân P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu D, xã Y, tỉnh Phú Thọ – có mặt.

6. Chị Dũ Ngọc K, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Đà Nẵng – vắng mặt.

7. Anh Kiều Quang P1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.

8. Anh Vũ Quyết T2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Khu A, xã Y, tỉnh Phú Thọ - có mặt.

9. Chị Hoàng Tố H1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
10. Anh Kiều Văn D, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn S, xã T, TP Hải Phòng - vắng mặt.
11. Anh Phạm Trung H2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
12. Chị Nông Thị K1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Cao Bằng - vắng mặt.
13. Chị Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu L, xã H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
14. Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
15. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn L, xã G, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt.
16. Chị Phạm Thị H3, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
17. Chị Trần Thị Thùy D1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tiểu khu E, xã P, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
18. Anh Hà Duy L1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
19. Chị Trương Việt T4, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng - vắng mặt.
20. Anh Vàng Văn V, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản N, xã M, tỉnh Lai Châu - vắng mặt.
21. Chị Hoàng Thị C1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
22. Chị Lò Thị Y, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Bản N, phường Đ, tỉnh Điện Biên - vắng mặt.
23. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Tổ A, phường T, tỉnh Cao Bằng - vắng mặt.
24. Anh Nình Văn Q1, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
25. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
26. Anh Lê Trung T5, sinh năm 1994. Nơi cư trú: TDP Đ, phường B, tỉnh Khánh Hòa - vắng mặt.
27. Chị Đinh Thị H4, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ C, ấp F, xã P, TP Hồ Chí Minh - vắng mặt.
28. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
29. Chị Trần Thị G, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
30. Chị Đào Văn H5, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm H, xã Đ, tỉnh Cao Bằng - vắng mặt.

31. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
32. Chị Lò Thị Hồng D2, sinh năm 1991. Nơi cư trú: TDP N, phường M, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
33. Chị Hà Thị C2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tiểu khu N, xã T, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
34. Chị Sần Thị D3, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng - vắng mặt.
35. Anh Phí Ngọc Q2, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ A, phường V, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
36. Anh Bùi Văn T7, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
37. Anh Nguyễn Tiến D4, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu P, phường P, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
38. Anh Nguyễn Thế T8, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Đ, thôn Q, xã L, thành phố Hải Phòng - vắng mặt.
39. Anh Đặng Đình H6, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khu I, xã T, tỉnh Lai Châu - vắng mặt.
40. Anh Dương Hoàng Đ, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số A Y, tổ dân phố D, phường E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.
41. Anh Nguyễn Minh H7, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ D, phường P, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
42. Anh Hoàng Văn C3, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, tỉnh Thái Nguyên - vắng mặt.
43. Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp C N, xã B, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt.
44. Anh Hoàng Trung K2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu D, xã C, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
45. Anh Nguyễn Văn T9, sinh năm 1994. Nơi cư trú: TDP D, phường B, TP Hải Phòng - vắng mặt.
46. Anh Bùi Linh H8, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
47. Chị Hà Thị H9, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
48. Anh Lê Quang H10, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Xóm P, xã Q, tỉnh Cao Bằng - vắng mặt.
49. Anh Ngô Duy T10, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số B Q, phường G, TP Hồ Chí Minh - vắng mặt.
50. Anh Trần Đ1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố H - vắng mặt.
51. Anh Trần Sơn H11, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số C Chợ C, phường H, TP Hải Phòng - vắng mặt.
52. Anh Lã Văn Đ2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
53. Anh Ngô Quang D5, sinh năm 1985. Nơi cư trú: TDP T, T, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.

54. Anh Hoàng Văn N3, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn K, xã X, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
55. Anh Vũ Văn H12, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.
56. Chị Cà Thị D6, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
57. Anh Lương Văn Y1, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn - vắng mặt.
58. Anh Triệu Trung K3, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
59. Anh Nguyễn Ngọc Đ3, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ A, phường K, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
60. Chị Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: TDP N, phường T, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
61. Anh Nguyễn Văn C4, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn K, xã P, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
62. Chị Nguyễn Thị H13, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ H, phường H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
63. Chị Lê Thị Xuân T11, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn C, xã B, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.
64. Anh Phạm Văn P2, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, TP Hải Phòng - vắng mặt.
65. Anh Đinh Văn G1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
66. Anh Mai Văn H14, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
67. Chị Phan Thị T12, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
68. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
69. Anh Nguyễn Hồng G2, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm C, phường K, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
70. Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường A, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
71. Anh Phan Thế C5, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm B, phường K, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
72. Anh Vũ Hưng Đ4, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số H ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai - vắng mặt.
73. Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
74. Chị Phạm Thị N4, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ E, phường T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
75. Anh Vũ Ngọc T13, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
76. Anh Lô Văn T14, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ - có mặt.

77. Anh Lê Quý S2, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp E, xã T, tỉnh Đồng Nai - vắng mặt.
78. Anh Trịnh Văn P3, sinh năm 1983. Nơi cư trú: B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.
79. Chị Dương Thị N5, sinh năm 2000. Nơi cư trú: TDP X, phường P, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
80. Anh Đoàn Văn T15, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
81. Chị Dương Thị Q3, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên - vắng mặt.
82. Chị Bùi Thị Thúy H15, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
83. Anh Phan Văn B, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.
84. Anh Nguyễn Văn H16, sinh năm 1986. Nơi cư trú: TDP T, phường H, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
85. Anh Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khu A, xã V, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
86. Anh Nguyễn Đức T16, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
87. Anh Đỗ Thế D7, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn I K, phường M, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
88. Anh Lê Minh K4, sinh năm 1998. Nơi cư trú: TDP K, phường T, tỉnh Thanh Hóa - vắng mặt.
89. Anh Đào Anh Đ5, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khối L, phường T, tỉnh Nghệ An - vắng mặt.
90. Chị Lục Thị B1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
91. Chị Vy Thị Q4, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn - vắng mặt.
92. Anh Nguyễn Phước L3, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố H - vắng mặt.
93. Chị Nguyễn Thị Ánh N6, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tiểu khu A, xã T, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
94. Anh Nguyễn Hữu T17, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
95. Anh Nguyễn Đình T18, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn M, xã M, TP Hải Phòng - vắng mặt.
96. Chị Nguyễn Thị Mỹ L4, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long - vắng mặt.
97. Anh Lê Văn T19, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn P, xã V, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.
98. Anh Bùi Văn N7, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Xóm B, xã L, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.

99. Anh Trương Quang L5, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
100. Anh Nguyễn Hùng V2, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn L, xã C, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
101. Anh Dương Văn K5, sinh năm 1986. Nơi cư trú: TDP M, phường P, tỉnh Thái Nguyên - vắng mặt.
102. Anh Nguyễn Khắc H17, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang - có mặt.
103. Chị Thạch Hải Thu H18, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Thôn C, xã C, tỉnh Gia Lai - vắng mặt.
104. Anh Ngô Hải Đ6, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, thành phố Hà Nội - vắng mặt.
105. Chị Lê Thị H19, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Đội 1 thôn B, xã L, thành phố Hải Phòng - vắng mặt.
106. Chị Đinh Thị T20, sinh năm 1993. Nơi cư trú: khu G, xã C, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
107. Anh Phạm Đăng C6, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số F Đà Nẵng, phường N, TP Hải Phòng - vắng mặt.
108. Chị Lê Thị H20, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, thành phố Hà Nội - vắng mặt.
109. Chị Nguyễn Thị H21, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn E, xã Y, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
110. Chị Nguyễn Thị Ái N8, sinh năm 1990. Nơi cư trú: TDP T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.
111. Anh Lê Đức C7, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
112. Anh Tô Văn L6, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
113. Anh Chu Thanh T21, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
114. Anh Điểu C8, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp S, xã L, tỉnh Đồng Nai - vắng mặt.
115. Anh Trần Văn L7, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
116. Anh Hoàng Mộng L8, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường P, thành phố H - vắng mặt.
117. Anh Lại Phan T22, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số D, tập thể Ban Đối ngoại, phường G, thành phố Hà Nội - vắng mặt.
118. Anh Trần Văn C9, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
119. Anh Trịnh Văn H22, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ I B, phường C, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
120. Anh Doãn Hải Đ7, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, TP Hải Phòng - vắng mặt.
121. Anh Nguyễn Hồng K6, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ V, phường C, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.

122. Anh Tạ Văn S3, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
123. Anh Lê Văn C10, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn B, xã V, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
124. Anh Mai Xuân T23, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số A H, thôn B, xã C, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt.
125. Anh Phùng Minh T24, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
126. Chị Nguyễn Thị L9, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Khu phố R, phường T, TP Hồ Chí Minh - vắng mặt.
127. Anh Nguyễn Trọng P4, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên - vắng mặt.
128. Anh Lâm Ngọc T25, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
129. Anh Đoàn Đức P5, sinh năm 1988. Nơi cư trú: TDP T, phường T, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
130. Anh Phạm Dương K7, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Khu đô thị H, phường V, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
131. Anh Nguyễn Thế V3, sinh năm 1995. Nơi cư trú: TDP A, phường P, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
132. Anh Đặng Ngọc H23, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
133. Anh Hà Văn H24, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.
134. Anh Vũ Thế N9, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai - có mặt.
135. Anh Vũ Đức C11, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Xóm H, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
136. Anh Nguyễn Trung H25, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Xóm T, xã Y, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
137. Chị Nguyễn Thị H26, sinh năm 2002. Nơi cư trú: TDP Nhất, phường C, tỉnh Bắc Ninh - vắng mặt.
138. Anh Vùi Văn T26, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
139. Chị Tạ Thị N10, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Y, xã N, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
140. Chị Bàn Thị M2, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Í, xã V, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
141. Chị Trần Thị H27, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố Hà Nội - vắng mặt.
142. Anh Nguyễn Thành T27, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn F, xã H, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
143. Chị Nguyễn Thị Thanh H28, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khu I, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.

144. Anh Phạm Tuấn V4, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số A đường N, phường L, thành phố Hải Phòng - vắng mặt.
145. Anh Mai Văn L10, sinh năm 1994. Nơi cư trú: TDP A, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.
146. Anh Đặng Ngọc T28, sinh năm 1988. Nơi cư trú: TDP V, phường V, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
147. Anh Trần Quang T29, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
148. Anh Đinh Văn C12, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
149. Anh Nguyễn Văn T30, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
150. Chị Trần Thị T31, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
151. Anh Trần Trung B2, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số A A, Hồ N, TP Hải Phòng - vắng mặt.
152. Anh Bùi Xuân T32, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khu B, xã T, tỉnh Lạng Sơn - vắng mặt.
153. Anh Nguyễn Đăng T33, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng - vắng mặt.
154. Chị Nguyễn Thị M3, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
155. Anh Lê Chấp D8, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ Đ, phường P, TP Hải Phòng - vắng mặt.
156. Anh Nguyễn Tiến D4, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ G, N, phường B, TP Hà Nội - vắng mặt.
157. Chị Phạm Thị T34, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
158. Anh Trần Văn Q5, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ B B, phường C, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
159. Anh Vũ Ngọc T13, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
160. Anh Hoàng Minh T35, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
161. Chị Đặng Thị C13, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số B đường N, phường L, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
162. Anh Nguyễn Đức D9, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ A B, phường C, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
163. Anh Nguyễn Đức D10, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu phố H, phường M, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.
164. Anh Phạm Anh T36, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản B, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
165. Anh Triệu Văn T37, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Phố B, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.

166. Anh Đoàn Chí T38, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
167. Chị Huỳnh Thị Hồng P6, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long - vắng mặt.
168. Anh Vũ Văn H29, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu N, phường P, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.
169. Anh Lê Quý T39, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ A, phường T, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
170. Anh Đỗ Văn L11, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Khu R, xã P, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
171. Anh Đào Văn T40, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn C N, xã B, tỉnh Ninh Bình - vắng mặt.
172. Chị Đoàn Thị H30, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
173. Anh Nguyễn Văn N11, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, tỉnh Hưng Yên - vắng mặt.
174. Anh Nguyễn Văn D11, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
175. Chị Dương Thị Hồng T41, sinh năm 1994. Nơi cư trú: TDP E N, phường N, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt.
176. Anh Nghiêm Xuân D12, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn A, xã H, tỉnh Tuyên Quang - vắng mặt.
177. Chị Trần Thị B3, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khóm H, phường K, thành phố Cần Thơ - vắng mặt.
178. Chị Lương Thị T42, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản P, xã M, tỉnh Sơn La - vắng mặt.
179. Chị Đỗ Thị M4, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.
180. Anh Bùi Thế N12, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
181. Anh Hồ Văn K8, sinh năm 1990. Nơi cư trú: TDP C, phường T, thành phố H - vắng mặt.
182. Anh Hoàng Quốc T43, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.
183. Chị Nguyễn Thị Mỹ C14, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp X, xã X, tỉnh Đồng Nai - vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Lê Văn T44, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Xóm G, thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi – vắng mặt.

Anh Nguyễn Trọng Đ8, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn M, xã C, tỉnh Gia Lai – vắng mặt.

Anh Đặng Văn D13, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, tỉnh Phú Thọ – có mặt.

Chị Hà Thị Trà M5, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Lào Cai – có mặt.

Anh Đỗ Văn N13, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, tỉnh Lào Cai – vắng mặt.

Chị Phạm Thị Thanh N14, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai – có mặt.

Bà Lương Thị T1, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2023 do cần tiền Phạm Ngọc T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn rao bán các loại động vật trên mạng xã hội Facebook. Để thực hiện hành vi lừa đảo, T đã sử dụng số điện thoại 0889531555; 0888636157; 0913088148; 01 số điện thoại đuôi 719 và số tài khoản Ngân hàng T47 1903969496701302 mang tên Lê Văn T44 sinh năm 1995, trú tại xóm G, thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi và số 19072453762019 mang tên Nguyễn Trọng Đ8 sinh năm 1995, trú tại thôn M, xã C, tỉnh Gia Lai trên Internet nhờ Đặng Văn D13 sinh năm 1980, trú tại thôn L, xã S, tỉnh Phú Thọ (là bạn của T) mở hộ tài khoản Ngân hàng T47 số 2212111980, tài khoản Ngân hàng H31; nhờ Hà Thị Trà M5 sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã L, tỉnh Lào Cai (là người yêu của T) để nhờ Đỗ Văn N13 sinh năm 2000, trú tại thôn M, xã Q, tỉnh Lào Cai mở hộ tài khoản Ngân hàng T47 số 19050778433018. T lập và sử dụng tài khoản Facebook và nhiều lần thay đổi thành "Hoa Ban Trắng", "Thích đá bóng", "Đặng D13", "Tạp hóa Dũng P7", "Đỗ Nam"…, đăng tải rao bán những động vật như chim, gà, cầy, dúi, mèo, cá… trên các hội nhóm "Gà Cổ Hoa M6", "Hội săn bắt động vật, thú rừng toàn quốc"…, (kèm theo hình ảnh, video của từng động vật được T thu thập trên Internet) thực tế T không có những động vật này. Khi có khách hàng liên hệ để hỏi mua, T đưa ra giá bán phù hợp, rẻ hơn giá thị trường. T yêu cầu khách hàng trả trước một phần hoặc toàn bộ tiền mua hàng bằng cách chuyển khoản đến 01 trong 05 tài khoản trên, T bảo sẽ gửi hàng cho khách hàng qua xe khách, trường hợp khách hàng yêu cầu T cung cấp thông tin của xe khách để họ kiểm tra trước khi chuyển tiền thì T gửi cho họ số điện thoại mà T chuẩn bị từ trước, rồi lắp sim điện thoại đó vào điện thoại cá nhân. Khi khách hàng gọi điện, T giả là tài xế xe khách, xác nhận xe đã nhận được hàng và đang vận chuyển hàng đến cho họ. Sau khi khách hàng chuyển tiền, T chuyển số tiền trên vào số tài khoản Ngân hàng B5 số 3710813628 mang tên Phạm Ngọc T để chi tiêu. Sau đó T thu hồi tin nhắn với khách hàng, chặn tài khoản Facebook, số điện thoại của họ, không gửi hàng như đã thỏa thuận.

Ngày 12/6/2025 ông Đặng Ngọc H23 trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lào Cai tố giác tội phạm đến Phòng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh Y (nay là Công an tỉnh L) tố giác tội phạm. Sau khi bị triệu tập, Phạm Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tiến hành giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu vàng.

Ngày 28/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc T ở thôn T, xã M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai). Kết quả khám xét thu giữ 01 túi nilong loại túi zip có

chứa 01 que chọc sim bằng kim loại; 03 thẻ sim điện thoại; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Ngọc T; 01 thẻ ATM mang tên "Do Van Nam" của ngân hàng T47.

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê toàn bộ 05 tài khoản mà T sử dụng để nhận tiền của bị hại; sao kê số tài khoản Ngân hàng B5 mang tên Phạm Ngọc T và có văn bản yêu cầu các Ngân hàng cung cấp thông tin về các chủ tài khoản của đã chuyển tiền đến 05 số tài khoản trên. Cơ quan điều tra đã ủy thác cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an 33 tỉnh, thành phố tiến hành xác minh, điều tra các giao dịch chuyển tiền đến 05 tài khoản ngân hàng trên.

Kết quả điều tra xác định: Từ tháng 01/2023 đến tháng 06/2025 bằng thủ đoạn nêu trên, Phạm Ngọc T đã chiếm đoạt tổng số tiền là 447.500.000 đồng của 183 người bị hại chuyển đến, trong đó 88 người chuyển tiền cho T với số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổng số 376.665.000 đồng; 95 người chuyển tiền cho T với số tiền dưới 2.000.000 đồng, tổng số 70.835.000 đồng. T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để chi tiêu cá nhân. Cụ thể như sau:

01. Ngày 11/01/2023 chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982, trú tại TDP G, phường N, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 2.500.000 đồng từ số tài khoản 00100002044317 Ngân hàng G3 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

02. Ngày 12/01/2023 chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1993, trú tại xóm L, xã L, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 2215205187235 Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

03. Ngày 31/01/2023 chị Triệu Thị N, sinh năm 1994, trú tại xóm M, xã Đ, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 45510000910247 Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

04. Ngày 07/02/2023 anh Cháng Văn L, sinh năm 1990, trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 3.700.000 đồng từ số tài khoản 8207205032198 Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

05. Ngày 08/02/2023 anh Vũ Xuân P, sinh năm 1988, trú tại khu D H, xã Y, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 5.500.000 đồng từ số tài khoản 2704205149932 Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

06. Ngày 05/02/2023 chị Dũ Ngọc K, sinh năm 1981, trú tại thôn A, xã V, thành phố Đà Nẵng đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 6004205234018 Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

07. Ngày 28/02/2023 anh Kiều Quang P1, sinh năm 1984, trú tại thôn Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 7.500.000 đồng từ số tài khoản 42510000789688 Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

08. Ngày 06/3/2023 anh Vũ Quyết T2, sinh năm 1983, trú tại khu A, xã Y, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 6.240.000 đồng từ số tài khoản 2704205085562

Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013 Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

09. Ngày 11/4/2023 anh Hoàng Tố H1, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã B, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 100869120823 Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

10. Ngày 14/4/2023, anh Kiều Văn D, sinh năm 1987, trú tại thôn S, xã T, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 1.400.000 đồng từ số tài khoản 100001814739, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

11. Ngày 14/4/2023, anh Phạm Trung H2, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 104867235033, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

12. Ngày 18/4/2023, chị Nông Thị K1, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Cao Bằng đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 8308205130981, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

13. Ngày 11/5/2023, chị Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1988, trú tại khu L, xã H, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 9.200.000 đồng từ số tài khoản 2712205207829, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

14. Ngày 23/5/2023, anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng từ số tài khoản 1023373611, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

15. Ngày 23/5/2023, anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã G, tỉnh Quảng Trị chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 03848087301, Ngân hàng T48 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

16. Ngày 25/5/2023, chị Phạm Thị H3, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang chuyển số tiền 1.300.000 đồng từ số tài khoản 106869920616, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

17. Ngày 02/6/2023, chị Trần Thị Thùy D1, sinh năm 1988, trú tại tiểu khu E, xã P, tỉnh Sơn La đã chuyển số tiền 3.200.000 đồng từ số tài khoản 7909205268761, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

18. Ngày 05/6/2023, anh Hà Duy L1, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã H, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 3.200.000 đồng từ số tài khoản 108680888678, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

19. Ngày 06/6/2023, anh Trương Việt T4, sinh năm 1992, trú tại xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản

8303205051311, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

20. Ngày 09/6/2023, anh Vàng Văn V, sinh năm 1986, trú tại bản Nà Xa, xã M, tỉnh Lai Châu đã chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 7805215018037, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

21. Ngày 19/6/2023, chị Hoàng Thị C1, sinh năm 1983, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn đã chuyển số tiền 3.000.000 đồng từ số tài khoản 8406205025096, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

22. Ngày 29/6/2023, anh Lê Trung T5, sinh năm 1994, trú tại TDP Đ, phường B, tỉnh Khánh Hòa chuyển số tiền 8.000.000 đồng từ số tài khoản 1016311399, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

23. Ngày 01/7/2023, chị Lò Thị Y, sinh năm 1998, trú tại bản N, phường Đ, tỉnh Điện Biên đã chuyển số tiền 3.850.000 đồng từ số tài khoản 8900215070752, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

24. Ngày 01/7/2023, chị Nguyễn Thị S, sinh năm 2000, trú tại tổ A, phường T, tỉnh Cao Bằng đã chuyển số tiền 3.850.000 đồng từ số tài khoản 8314205313132, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

25. Ngày 11/7/2023, anh Nình Văn Q1, sinh năm 1999, trú tại thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 1023522227, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

26. Ngày 06/7/2023, chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 108870781915, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

27. Ngày 19/7/2023, chị Đinh Thị H4, sinh năm 1989, trú tại tổ C, ấp F, xã P, TP Hồ Chí Minh chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 5505205091957, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang trên Lê Văn T44.

28. Ngày 05/8/2023, anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1991, trú tại thôn M, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 100871067161, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

29. Ngày 12/8/2023, chị Trần Thị G, sinh năm 1980, trú tại thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 2.300.000 đồng từ số tài khoản 8808231003364, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

30. Ngày 20/8/2023, anh Đào Văn H5, sinh năm 1993, trú tại xóm H, xã Đ, tỉnh Cao Bằng đã chuyển số tiền 100.000 đồng từ số tài khoản105003132853,

Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

31. Ngày 24/8/2023, chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 2003, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 107878940722, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

32. Ngày 31/8/2023, chị Lò Thị Hồng D2, sinh năm 1991, trú tại TDP N, phường M, tỉnh Sơn La chuyển số tiền 2.500.000 đồng từ số tài khoản 41210000312804, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47.

33. Ngày 13/9/2023, chị Hà Thị C2, sinh năm 1989, trú tại tiểu khu N, xã T, tỉnh Sơn La đã chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 7906205063443, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

34. Ngày 22/9/2023, chị Sần Thị D3, sinh năm 1997, trú tại xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng đã chuyển số tiền 900.000 đồng từ số tài khoản 8302205068046, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

35. Ngày 29/9/2023, anh Phí Ngọc Q2, sinh năm 1986, trú tại tổ A, phường V, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 50.000 đồng từ số tài khoản 4710017888, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

36. Ngày 10/10/2023, anh Bùi Văn T7, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh chuyển số tiền 3.900.000 đồng từ số tài khoản 642303333, Ngân hàng V7 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

37. Ngày 14/10/2023, anh Nguyễn Tiến D4, sinh năm 1984, trú tại khu P, phường P, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 3.250.000 đồng từ số tài khoản 9922224566666, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

38. Ngày 19, 20 tháng 10/2023, anh Nguyễn Thế T8, sinh năm 1980, trú tại Đội 1, thôn Q, xã L, thành phố Hải Phòng đã chuyển số tiền 8.500.000 đồng từ số tài khoản 0341005607919, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

39. Ngày 19/10/2023, anh Đặng Đình H6, sinh năm 1990, trú tại khu I, xã T, tỉnh Lai Châu đã chuyển số tiền 750.000 đồng từ số tài khoản 108864042468, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

40. Ngày 19/10/2023, anh Dương Hoàng Đ, sinh năm 1996, trú tại số A Y, tổ dân phố D, phường E, tỉnh Đắk Lắk đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 5213205804709, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

41. Ngày 29, 30 tháng 10/2023, anh Nguyễn Minh H7, sinh năm 1993, trú tại tổ D, phường P, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 2.500.000 đồng từ số tài khoản 0831000073099, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

42. Ngày 07/11/2023, anh Hoàng Văn C3, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã C, tỉnh Thái Nguyên đã chuyển số tiền 3.400.000 đồng từ số tài khoản 8605205046975, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

43. Ngày 13/11/2023, chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1997, trú tại ấp C N, xã B, tỉnh Tây Ninh đã chuyển số tiền 1.125.000 đồng từ số tài khoản 999990335868909, Ngân hàng H31 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

44. Ngày 15/11/2023, anh Hoàng Trung K2, sinh năm 1984, trú tại khu D Y, xã C, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 2.600.000 đồng từ số tài khoản 0869473636, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

45. Ngày 24/12/2023, anh Nguyễn Văn T9, sinh năm 1994, trú tại TDP D, phường B, TP Hải Phòng chuyển số tiền 300.000 đồng từ số tài khoản 000002741968, Ngân hàng V8 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

46. Ngày 02/02/2024, anh Bùi Linh H8, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh đã chuyển số tiền 4.500.000 đồng từ số tài khoản 2510231003897, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

47. Ngày 19, 20 tháng 02/2024, anh Trần Đ1, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã V, thành phố H đã chuyển số tiền 1.880.000 đồng từ số tài khoản 4005205182436, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

48. Ngày 25/02/2024, chị Hà Thị H9, sinh năm 1986, trú tại xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 7.540.000 đồng từ số tài khoản 2702205104250, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

49. Ngày 25/02/2024, anh Lê Quang H10, sinh năm 1988, trú tại xóm P, xã Q, tỉnh Cao Bằng chuyển số tiền 1.900.000 đồng từ số tài khoản 3300652664, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

50. Ngày 03/3/2024, anh Ngô Duy T10, sinh năm 1982, trú tại số B Q, phường G, TP Hồ Chí Minh chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 101578396666, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

51. Ngày 10/3/2024, anh Trần Sơn H11, sinh năm 1980, trú tại số C Chợ C, phường H, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 520.000 đồng từ số tài khoản 0341001619656, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

52. Ngày 15/3/2024, anh Lã Văn Đ2, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ số tài khoản 4250830683, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

53. Ngày 18/3/2024, anh Ngô Quang D5, sinh năm 1985, trú tại TDP T, T, tỉnh Bắc Ninh chuyển số tiền 300.000 đồng từ số tài khoản 4321116537, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

54. Ngày 19/3/2024, anh Hoàng Văn N3, sinh năm 1993, trú tại thôn K, xã X, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 5.500.000 đồng từ số tài khoản 8706205060551, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

55. Ngày 25/3/2024, anh Vũ Văn H12, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh chuyển số tiền 1.800.000 đồng từ số tài khoản 8007215012858, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang trên Lê Văn T44.

56. Ngày 27/3/2024, chị Cà Thị D6, sinh năm 1994, trú tại bản Nà Sy, xã M, tỉnh Sơn La đã chuyển số tiền 1.500.000 đồng từ số tài khoản 108879356180, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

57. Ngày 29/3/2024, ông Lương Văn Y1, sinh năm 1974, trú tại thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn đã chuyển số tiền 4.500.000 đồng từ số tài khoản 8408205118372, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

58. Ngày 08/4/2024, anh Triệu Trung K3, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang chuyển số tiền 800.000 đồng từ số tài khoản 2806205125534, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

59. Ngày 11/4/2024, anh Nguyễn Ngọc Đ3, sinh năm 1985, trú tại tổ A, phường K, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 3005215027428, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

60. Ngày 15/4/2024, chị Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1985, trú tại TDP N, phường T, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 4.910.000 đồng từ số tài khoản 2900205137486, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

61. Ngày 20/4/2024, anh Nguyễn Văn C4, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã P, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 4.100.000 đồng từ số tài khoản 8807205214465, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

62. Ngày 20/4/2024, chị Nguyễn Thị H13, sinh năm 1984, trú tại tổ H, phường H, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 4.300.000 đồng từ số tài khoản 3011205131391, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

63. Ngày 06/5/2024, chị Lê Thị Xuân T11, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã B, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển số tiền 3.200.000 đồng từ số tài khoản 100872204712, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

64. Ngày 06/5/2024 và ngày 07/5/2024, anh Phạm Văn P2, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã T, TP Hải Phòng chuyển số tiền 2.650.000 đồng từ số tài khoản

3211499008, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 mang tên Lê Văn T44.

65. Ngày 17/5/2024, ông Đinh Văn G1, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 2.800.000 đồng từ số tài khoản 8103205208844, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

66. Ngày 28/5/2024, anh Mai Văn H14, sinh năm 1994, trú tại thôn Q, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 3.000.000 đồng từ số tài khoản 107006601064, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

67. Ngày 28/5/2024, chị Phan Thị T12, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã V, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 5.500.000 đồng từ số tài khoản 108878469122, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

68. Ngày 29/5/2024, anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 2.600.000 đồng từ số tài khoản 2804205044546, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

69. Ngày 02/6/2024, anh Nguyễn Hồng G2, sinh năm 1992, trú tại xóm C, phường K, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 4.280.000 đồng từ số tài khoản 0339451538, Ngân hàng V7 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

70. Ngày 03/6/2024, anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố L, phường A, tỉnh Tuyên Quang chuyển số tiền 350.000 đồng từ số tài khoản 198010488888, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

71. Ngày 04/6/2024, anh Phan Thế C5, sinh năm 1993, trú tại xóm B, phường K, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 1.500.000 đồng từ số tài khoản 3005205041937, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

72. Ngày 06/6/2024, anh Vũ Hưng Đ4, sinh năm 1992, trú tại số H ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai đã chuyển số tiền 2.800.000 đồng từ số tài khoản 0871004215046, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

73. Ngày 08/6/2024, chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 8.000.000 đồng từ số tài khoản 8209205094515, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19039694967013, Ngân hàng T47, mang tên Lê Văn T44.

74. Ngày 24/6/2024, chị Phạm Thị N4, sinh năm 1989, trú tại tổ E, phường T, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 300.000 đồng từ số tài khoản 7800110791005, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 19072453762019, Ngân hàng T47 mang tên Nguyễn Trọng Đ8.

75. Ngày 03/7/2024, anh Vũ Ngọc T13, sinh năm 1977, trú tại tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La chuyển số tiền 6.120.000 đồng từ số tài khoản 4110026834,

Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19072453762019, Ngân hàng T47 mang tên Nguyễn Trọng Đ8.

76. Ngày 03, 05, 12 tháng 7/2024, anh Lô Văn T14, sinh năm 1984, trú tại khu E, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 13.500.000 đồng từ số tài khoản 2702215014329, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19072453762019, Ngân hàng T47, mang tên Nguyễn Trọng Đ8.

77. Ngày 10/7/2024, anh Lê Quý S2, sinh năm 1982, trú tại ấp E, xã T, tỉnh Đồng Nai đã chuyển số tiền 5.500.000 đồng. Anh S2 từ số tài khoản 3311999999, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19072453762019, Ngân hàng T47, mang tên Nguyễn Trọng Đ8.

78. Ngày 07/8/2024, anh Trịnh Văn P3, sinh năm 1983, trú tại B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển số tiền 4.150.000 đồng từ số tài khoản 5306976567868, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19072453762019, Ngân hàng T47, mang tên Nguyễn Trọng Đ8.

79. Ngày 30/8/2024, chị Dương Thị N5, sinh năm 2000, trú tại TDP X, phường P, tỉnh Bắc Ninh đã chuyển số tiền 1.500.000 đồng từ số tài khoản 103872896988, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

80. Ngày 30/8/2024, anh Đoàn Văn T15, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang chuyển số tiền 700.000 đồng từ số tài khoản 0988213839, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

81. Ngày 31/8/2024, chị Dương Thị Q3, sinh năm 1989, trú tại tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên đã chuyển số tiền 3.550.000 đồng từ số tài khoản số 3902858378, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 mang tên Đặng Văn D13.

82. Ngày 04/9/2024, chị Bùi Thị Thúy H15, sinh năm 1988, trú tại khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 2.550.000 đồng từ số tài khoản 108879045188, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

83. Ngày 13/9/2024, anh Phan Văn B, sinh năm 1986, trú tại thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk chuyển số tiền 6.800.000 đồng từ số tài khoản 8688198656789, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 mang tên Đặng Văn D13.

84. Ngày 15/9/2024, anh Nguyễn Văn H16, sinh năm 1986, trú tại TDP T, phường H, tỉnh Bắc Ninh đã chuyển số tiền 3.280.000 đồng từ số tài khoản 1019348323, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

85. Ngày 18/9/2024, ông Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1964, trú tại khu A, xã V, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ số tài khoản 2704205028388, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

86. Ngày 20/9/2024, ông Nguyễn Đức T16, sinh năm 1971, trú tại thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên đã chuyển số tiền 2.575.000 đồng từ số tài khoản 2405559999999, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

87. Ngày 27/9/2024, anh Đỗ Thế D7, sinh năm 1982, trú tại thôn I K, phường M, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 3.200.000 đồng từ số tài khoản 0977892778, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

88. Ngày 28/9/2024, anh Lê Minh K4, sinh năm 1998, trú tại TDP K, phường T, tỉnh Thanh Hóa đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng từ số tài khoản 101867252650, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

89. Ngày 28/9/2024, anh Đào Anh Đ5, sinh năm 1988, trú tại khối L, phường T, tỉnh Nghệ An chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 100874975164, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 và bị T9 chiếm đoạt.

90. Ngày 02/10/2024, chị Lục Thị B1, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 1.500.000 đồng từ số tài khoản 107808151089, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

91. Ngày 07/10/2024, chị Vy Thị Q4, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn đã chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 8412215049760, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

92. Ngày 08/10/2024, anh Nguyễn Phước L3, sinh năm 1992, trú tại thôn H, xã H, thành phố H đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 0981757963, Ngân hàng S16 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

93. Ngày 10/10/2024, chị Nguyễn Thị Ánh N6, sinh năm 1987, trú tại tiểu khu A, xã T, tỉnh Sơn La đã chuyển số tiền 3.760.000 đồng từ số tài khoản 7906222289999, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

94. Ngày 11/10/2024, anh Nguyễn Hữu T17, sinh năm 1998, trú tại khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 3.260.000 đồng từ số tài khoản 1102000031098, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 và bị T17 chiếm đoạt.

95. Ngày 15/10/2024, anh Nguyễn Đình T18, sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã M, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 106881216110, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

96. Ngày 19/10/2024, chị Nguyễn Thị Mỹ L4, sinh năm 1987, trú tại ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long đã chuyển số tiền 4.480.000 đồng từ số tài khoản 0109965557, Ngân hàng Đ9 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 mang tên Đặng Văn D13.

97. Ngày 24/10/2024, anh Lê Văn T19, sinh năm 1998, trú tại thôn P, xã V, tỉnh Đắk Lắk đã chuyển số tiền 300.000 đồng từ số tài khoản 24167907, Ngân hàng A3 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

98. Ngày 24/10/2024, anh Bùi Văn N7, sinh năm 1998, trú tại xóm B, xã L, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 560.000 đồng từ số tài khoản 1030414951, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

99. Ngày 24/10/2024, anh Trương Quang L5, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 980.000 đồng từ số tài khoản 108869563267, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

100. Ngày 24/10/2024, anh Nguyễn Hùng V2, sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã C, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 104876037223, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

101. Ngày 26/10/2024, anh Dương Văn K5, sinh năm 1986, trú tại TDP M, phường P, tỉnh Thái Nguyên đã chuyển số tiền 2.200.000 đồng từ số tài khoản 104875236198, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

102. Ngày 26/10/2024, anh Nguyễn Khắc H17, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang đã bị chuyển số tiền 4.400.000 đồng từ số tài khoản 8206205084408, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

103. Ngày 30/10/2024, chị Thạch Hải Thu H18, sinh năm 2005, trú tại thôn C, xã C, tỉnh Gia Lai đã chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 36951947, Ngân hàng A3 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

104. Ngày 01/11/2024, anh Ngô Hải Đ6, sinh năm 1993, trú tại thôn G, xã Q, thành phố Hà Nội đã chuyển số tiền 2.200.000 đồng từ số tài khoản 19033779440016, Ngân hàng T47 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

105. Ngày 04/11/2024, chị Lê Thị H19, sinh năm 1995, trú tại đội 1 thôn B, xã L, thành phố Hải Phòng đã chuyển số tiền 2.100.000 đồng từ số tài khoản 1029722413, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

106. Ngày 06/11/2024, chị Đinh Thị T20, sinh năm 1993, trú tại khu G, xã C, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 1.480.000 đồng từ số tài khoản 4551020936, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

107. Ngày 08/11/2024, anh Phạm Đăng C6, sinh năm 1996, trú tại số F Đà Nẵng, phường N, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 750.000 đồng từ số tài khoản 012356888, Ngân hàng V9 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

108. Ngày 08/11/2024, chị Lê Thị H20, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã T, thành phố Hà Nội đã chuyển số tiền 100.000 đồng từ số tài khoản 1590292450, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

109. Ngày 09/11/2024, chị Nguyễn Thị H21, sinh năm 1989, trú tại thôn E, xã Y, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 1.100.000 đồng từ số tài khoản

100866752190, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

110. Ngày 13, 14, 15 tháng 11/2024, chị Nguyễn Thị Ái N8, sinh năm 1990, trú tại TDP T, xã Q, tỉnh Đắk Lắk đã chuyển tổng số tiền 7.955.000 đồng từ số tài khoản 107878353446, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

111. Ngày 24/11/2024, ông Lê Đức C7, sinh năm 1971, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên đã chuyển số tiền 100.000 đồng từ số tài khoản 3405205322609, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

112. Ngày 25/11/2024, anh Tô Văn L6, sinh năm 1997, trú tại thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 1.880.000 đồng từ số tài khoản 109873020061, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

113. Ngày 27/11/2024, chị Chu Thanh T21, sinh năm 1998, trú tại thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 900.000 đồng từ số tài khoản 3711559369, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

114. Ngày 29/11/2024, ông Điểu C8, sinh năm 1984, trú tại ấp S, xã L, tỉnh Đồng Nai đã chuyển số tiền 3.500.000 đồng từ số tài khoản 050147086072, Ngân hàng S16 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

115. Ngày 30/11/2024, anh Trần Văn L7, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 0355331938, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 và bị T17 chiếm đoạt.

116. Ngày 02/12/2024, anh Hoàng Mộng L8, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố K, phường P, thành phố H chuyển số tiền 3.100.000 đồng từ số tài khoản 8808868666666, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 và bị T17 chiếm đoạt.

117. Ngày 03/12/2024, ông Lại Phan T22, sinh năm 1964, trú tại số D, tập thể Ban Đối ngoại, phường G, thành phố Hà Nội đã chuyển số tiền 680.000 đồng từ số tài khoản 0011001214183, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

118. Ngày 05/12/2024, anh Trần Văn C9, sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 108877596802, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

119. Ngày 05/12/2024, ông Trịnh Văn H22, sinh năm 1973, trú tại tổ I B, phường C, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 550.000 đồng từ số tài khoản 9984473296, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

120. Ngày 09/12/2024, anh Doãn Hải Đ7, sinh năm 1991, trú tại thôn H, xã N, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 350.000 đồng từ số tài khoản 108871230716, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

121. Ngày 09/12/2024, anh Nguyễn Hồng K6, sinh năm 1986, trú tại tổ V, phường C, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 1.460.000 đồng từ số tài khoản 3349419521, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

122. Ngày 09/12/2024, anh Tạ Văn S3, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 150.000 đồng từ số tài khoản 103004745936, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

123. Ngày 11, 12 tháng 12/2024, anh Lê Văn C10, sinh năm 1997, trú tại thôn B, xã V, tỉnh Hưng Yên đã chuyển số tiền 330.000 đồng từ số tài khoản 4660940864, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

124. Ngày 14/12/2024, anh Mai Xuân T23, sinh năm 1978, trú tại số A H, thôn B, xã C, tỉnh Quảng Trị đã chuyển số tiền 350.000 đồng từ số tài khoản 3904205013650, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

125. Ngày 14/12/2024, anh Phùng Minh T24, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã S, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 660.000 đồng từ số tài khoản 109870617628, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

126. Ngày 16/12/2024, chị Nguyễn Thị L9, sinh năm 1983, trú tại khu phố R, phường T, TP Hồ Chí Minh đã chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 0841000033938, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

127. Ngày 17/12/2024, anh Nguyễn Trọng P4, sinh năm 1985, trú tại tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên đã chuyển số tiền 2.900.000 đồng từ số tài khoản 8600198526666, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

128. Ngày 17/12/2024, anh Lâm Ngọc T25, sinh năm 1995, trú tại thôn Q, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 4251727478, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

129. Ngày 20/12/2024, anh Đoàn Đức P5, sinh năm 1988, trú tại TDP T, phường T, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 2.200.000 đồng từ số tài khoản 102866777064, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

130. Ngày 25/12/2024, anh Phạm Dương K7, sinh năm 1999, trú tại khu đô thị H, phường V, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 1.700.000 đồng từ số tài khoản 9868507812, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

131. Ngày 26/12/2024, anh Nguyễn Thế V3, sinh năm 1995, trú tại TDP A, phường P, tỉnh Bắc Ninh đã chuyển số tiền 350.000 đồng từ số tài khoản 0731000829381, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

132. Ngày 27/12/2024, anh Đặng Ngọc H23, sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 5.760.000 đồng từ số tài khoản 8600833886,

Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

133. Ngày 01/01/2025, anh Hà Văn H24, sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển số tiền 4.400.000 đồng từ số tài khoản 050147888187, Ngân hàng S16 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

134. Ngày 03/01/2025, anh Vũ Thế N9, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 2.470.000 đồng từ số tài khoản 1018879334, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

135. Ngày 04/01/2025, anh Vũ Đức C11, sinh năm 1990, trú tại xóm H, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 5.700.000 đồng từ số tài khoản 4550979822, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

136. Ngày 04/01/2025, anh Nguyễn Trung H25, sinh năm 2002, trú tại xóm T, xã Y, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 200.000 đồng từ số tài khoản 4273718816, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

137. Ngày 12/01/2025, chị Nguyễn Thị H26, sinh năm 2002, trú tại TDP Nhất, phường C, tỉnh Bắc Ninh đã chuyển số tiền 2.470.000 đồng từ số tài khoản 1022399276, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

138. Ngày 20/01/2025, anh Vùi Văn T26, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 4.485.000 đồng từ số tài khoản 0930189138888, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

139. Ngày 20/01/2025, chị Tạ Thị N10, sinh năm 1987, trú tại thôn Y, xã N, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 100878275436, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

140. Ngày 22/01/2025, chị Bàn Thị M2, sinh năm 1988, trú tại thôn Í, xã V, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 4.420.000 đồng từ số tài khoản 8809205154560, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

141. Ngày 25/01/2025, chị Trần Thị H27, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, thành phố Hà Nội đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng từ số tài khoản 65151743999, Ngân hàng T49 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

142. Ngày 06/02/2025, anh Nguyễn Thành T27, sinh năm 1979, trú tại thôn F, xã H, tỉnh Hưng Yên đã chuyển số tiền 380.000 đồng từ số tài khoản 1283355666, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

143. Ngày 10/02/2025, chị Nguyễn Thị Thanh H28, sinh năm 1991, trú tại khu I, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 9.350.000 đồng từ số tài khoản 2702215035443, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 mang tên Đặng Văn D13.

144. Ngày 10/02/2025, anh Phạm Tuấn V4, sinh năm 1996, trú tại số A đường N, phường L, thành phố Hải Phòng đã chuyển 500.000 đồng từ số tài khoản 1017786462, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

145. Ngày 16/02/2025, anh Mai Văn L10, sinh năm 1994, trú tại TDP A, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển số tiền 11.260.000 đồng từ số tài khoản 5307205526682, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

146. Ngày 18/02/2025, anh Đặng Ngọc T28, sinh năm 1988, trú tại TDP V, phường V, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 1.080.000 đồng từ số tài khoản 0977531234, Ngân hàng V7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

147. Ngày 19/02/2025, anh Trần Quang T29, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố A, phường M, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 2.340.000 đồng từ số tài khoản 3410881583, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

148. Ngày 19/02/2025, anh Đinh Văn C12, sinh năm 1981, trú tại khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 800.000 đồng từ số tài khoản 1388699999999, Ngân hàng V7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

149. Ngày 19/02/2025, anh Nguyễn Văn T30, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 300.000 đồng từ số tài khoản 19036199359016, Ngân hàng T47 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

150. Ngày 20/02/2025, chị Trần Thị T31, sinh năm 1982, trú tại khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 2.600.000 đồng từ số tài khoản 2704205295255, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

151. Ngày 20/02/2025, anh Trần Trung B2, sinh năm 1975, trú tại số A A, Hồ N, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 580.000 đồng từ số tài khoản 102880248707, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

152. Ngày 28/02/2025, anh Bùi Xuân T32, sinh năm 1990, trú tại khu B, xã T, tỉnh Lạng Sơn đã chuyển số tiền 280.000 đồng từ số tài khoản 8408205116491, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

153. Ngày 03/3/2025, anh Nguyễn Đăng T33, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng đã chuyển số tiền 1.080.000 đồng từ số tài khoản 1913933333, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

154. Ngày 06/3/2025, chị Nguyễn Thị M3, sinh năm 1992, trú tại thôn H, xã B, tỉnh Hưng Yên đã chuyển số tiền 960.000 đồng từ số tài khoản 0211000451897, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

155. Ngày 10/3/2025, anh Lê Chấp D8, sinh năm 1984, trú tại tổ Đ, phường P, TP Hải Phòng đã chuyển số tiền 280.000 đồng từ số tài khoản 19037877847014, Ngân hàng T47 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

156. Ngày 10/3/2025, anh Nguyễn Tiến D4, sinh năm 1979, trú tại tổ G, N, phường B, TP Hà Nội chuyển số tiền 1.300.000 đồng từ số tài khoản 0541000222969, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 mang tên Đặng Văn D13.

157. Ngày 12/3/2025, chị Phạm Thị T34, sinh năm 1989, trú tại thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 1.100.000 đồng từ số tài khoản 8803205092070, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

158. Ngày 29/3/2025, anh Trần Văn Q5, sinh năm 1994, trú tại tổ B B, phường C, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 3750429944, Ngân hàng B5 để chuyển tiền đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

159. Ngày 31/3/2025 và 01/4/2025, anh Vũ Ngọc T13, sinh năm 1977, trú tại tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La đã chuyển số tiền 2.300.000 đồng từ số tài khoản 4110026834, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

160. Ngày 04/4/2025, anh Hoàng Minh T35, sinh năm 1981, trú tại thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 8803286869999, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

161. Ngày 04/4/2025, chị Đặng Thị C13, sinh năm 1989, trú tại số B đường N, phường L, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 600.000 đồng từ số tài khoản 9986444512, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

162. Ngày 05/4/2025, anh Nguyễn Đức D9, sinh năm 1985, trú tại tổ A B, phường C, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 3750124814, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

163. Ngày 11/4/2025, anh Nguyễn Đức D10, sinh năm 1985, trú tại khu phố H, phường M, tỉnh Quảng Ninh đã chuyển số tiền 4.200.000 đồng từ số tài khoản 9979315678, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

164. Ngày 15/4/2025, anh Phạm Anh T36, sinh năm 1989, trú tại bản Bông 4, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 350.000 đồng từ số tài khoản 2011198989, Ngân hàng S17 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

165. Ngày 16/4/2025, anh Triệu Văn T37, sinh năm 1995, trú tại phố B, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh chuyển số tiền 5.760.000 đồng từ số tài khoản 0551000322812, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 và bị T26 chiếm đoạt.

166. Ngày 17/4/2025, anh Đoàn Chí T38, sinh năm 2002, trú tại thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 750.000 đồng từ số tài khoản 105882133134, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

167. Ngày 18/4/2025, chị Huỳnh Thị Hồng P6, sinh năm 1998, trú tại khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 7410205238571, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

168. Ngày 23/4/2025, anh Vũ Văn H29, sinh năm 1984, trú tại khu N, phường P, tỉnh Quảng Ninh đã chuyển số tiền 1.080.000 đồng từ số tài khoản 1019890578, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

169. Ngày 23/4/2025, anh Lê Quý T39, sinh năm 1991, trú tại tổ A, phường T, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 109611031191, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

170. Ngày 25/4/2025, anh Đỗ Văn L11, sinh năm 1996, trú tại khu R, xã P, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 50.000 đồng từ số tài khoản 811254725100001, Ngân hàng N16 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

171. Ngày 25/4/2025, anh Đào Văn T40, sinh năm 1990, trú tại thôn C N, xã B, tỉnh Ninh Bình đã chuyển số tiền 1.150.000 đồng từ số tài khoản 105867926925, Ngân hàng V5 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

172. Ngày 27/4/2025, chị Đoàn Thị H30, sinh năm 1986, trú tại thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 8806215032280, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47, mang tên Đặng Văn D13.

173. Ngày 28/4/2025, anh Nguyễn Văn N11, sinh năm 1987, trú tại thôn V, xã Đ, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 800.000 đồng từ số tài khoản 0385781821, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 2212111980, Ngân hàng T47 mang tên Đặng Văn D13.

174. Ngày 18/5/2025, anh Nguyễn Văn D11, sinh năm 1993, trú tại tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 700.000 đồng từ số tài khoản 1015694224, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

175. Ngày 25/5/2025, chị Dương Thị Hồng T41, sinh năm 1994, trú tại TDP E N, phường N, tỉnh Lâm Đồng đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ số tài khoản 888124466, Ngân hàng N16 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

176. Ngày 27/5/2025, chị Nguyễn Thị Mỹ C14, sinh năm 1988, trú tại ấp X, xã X, tỉnh Đồng Nai đã chuyển số tiền 3.200.000 đồng từ số tài khoản 5902205321412, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

177. Ngày 27/5/2025, anh Nghiêm Xuân D12, sinh năm 1985, trú tại thôn A, xã H, tỉnh Tuyên Quang đã chuyển số tiền 660.000 đồng từ số tài khoản 8209205146792, Ngân hàng A2 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

178. Ngày 02/6/2025, chị Trần Thị B3, sinh năm 1989, trú tại khóm H, phường K, thành phố Cần Thơ đã chuyển số tiền 1.600.000 đồng từ số tài khoản 070129969286, Ngân hàng S16 đến số tài khoản ngân hàng H31 số 338704070006175.

179. Ngày 12/6/2025, chị Lương Thị T42, sinh năm 1986, trú tại bản P, xã M, tỉnh Sơn La đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng từ số tài khoản 4130201857, Ngân hàng B5 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

180. Ngày 13/6/2025, chị Đỗ Thị M4, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai đã chuyển số tiền 650.000 đồng từ số tài khoản 9377063955, Ngân hàng V6 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

181. Ngày 17/6/2025, anh Bùi Thế N12, sinh năm 1984, trú tại thôn Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ đã chuyển số tiền 4.800.000 đồng từ số tài khoản 19037991029011, Ngân hàng T47 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47, mang tên Đỗ Văn N13.

182. Ngày 18/6/2025, anh Hồ Văn K8, sinh năm 1990, trú tại TDP C, phường T, thành phố H chuyển số tiền 1.900.000 đồng từ số tài khoản 0774411552, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47 và bị T26 chiếm đoạt.

183. Ngày 19/6/2025, anh Hoàng Quốc T43, sinh năm 1999, trú tại tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ chuyển số tiền 500.000 đồng từ số tài khoản 88180568689999, Ngân hàng M7 đến số tài khoản 19050778433018, Ngân hàng T47 và bị T26 chiếm đoạt.

Ngoài các bị hại đã được làm rõ, còn các giao dịch tài khoản chuyển tiền cho bị cáo T26. Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi, xác minh tại các Ngân hàng và đã có văn bản thông báo truy tìm bị hại có liên quan đến vụ án trên các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên đến nay không xác định được chủ tài khoản đã giao dịch, chuyển tiền cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-KV3 ngày 10/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã truy tố Phạm Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3; 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 11 năm tù đến 12 năm tù. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Có 120 bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc T bồi thường tổng số tiền 360.790.000 đồng. Do vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho 120 bị hại có yêu cầu.

Còn lại các bị hại khác không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 căn cước công dân số 015095004898 mang tên Phạm Ngọc T; Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho bà Lương Thị T1, sinh năm 1965, trú tại tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai là mẹ của bị cáo T là phù hợp.

Các vật chứng còn lại xử lý như sau:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng 128GB, số seri F2LFM90S0D41, lắp sim số thuê bao 0889531555, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng T47, trên thẻ có chữ "Do Van Nam"; 03 thẻ sim điện thoại và 01 que chọc sim, được bảo quản trong một chiếc túi zip trong suốt. Những đồ vật trên được niêm phong trong 01 phong bì của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L, mặt trước phong bì ghi "Những đồ vật bị thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Phạm Ngọc T sau khi được kiểm tra" mặt sau được dán kín các mép, tại mép dán có chữ ký, họ tên của Bùi Hồng T45, Đỗ Đức K9, Lò Văn N15, Phạm Ngọc T và các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L và 01 phong bì giấy, mặt trước phòng bì ghi "Điện thoại di động của Phạm Ngọc T sau khi kiểm tra ngày 28/6/2025", mặt sau được dán kín các mép, tại mép dán có chữ ký, họ tên của Phạm Văn T46, Nguyễn Văn B4, Phạm Ngọc T và các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Y (sau khi lấy điện thoại ra).

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phạm Ngọc T không tranh luận và tự bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền chi tiêu nên tháng 01/2023 đến tháng 6/2025 bị cáo Phạm Ngọc T đã nhờ người thân đăng ký hộ số điện thoại và mua các số điện thoại trên mạng xã hội (sim rác), mua hoặc nhờ lập tài khoản ngân hàng của người khác được 05 tài khoản ngân hàng mang tên Lê Văn T44, Nguyễn Trọng Đ8, Đỗ Văn N13 (mỗi người 01 tài khoản); Đặng Văn D13 (02 tài khoản) để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. T lập và sử dụng tài khoản Facebook và nhiều lần thay đổi thành "Hoa Ban Trắng", "Thích đá bóng", "Đặng D13", "Tạp hóa Dũng P7", "Đỗ Nam"…, đăng tải rao bán những động vật như chim, gà, cầy, dúi, mèo, cá… trên các hội nhóm "Gà Cổ Hoa M6", "Hội săn bắt động vật, thú rừng toàn quốc"…, kèm theo hình ảnh, video của từng động vật được T thu thập trên Internet. Sau khi các bị hại đặt mua hàng, chuyển tiền hàng thì T chiếm đoạt tiền mà không gửi hàng cho các bị hại. Với thủ đoạn gian dối trên bị cáo Phạm Ngọc T đã chiếm đoạt tổng số tiền là 447.500.000 đồng của 183 bị hại chuyển đến, trong đó 88 người chuyển tiền cho T với số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên với tổng số tiền là 376.665.000 đồng; 95 người chuyển tiền cho T với số tiền dưới 2.000.000 đồng với tổng số tiền là 70.835.000 đồng, toàn bộ số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 16/CT-VKS-KV3 ngày 10/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện để thu lợi bất chính phục vụ cho nhu cầu của bản thân. Thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bản thân bị cáo là rất kém.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã nhờ mẹ bị cáo là bà Lương Thị T1 bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc A1 số tiền 5.000.000 đồng. Anh Nguyễn Ngọc A1 đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy cần xử phạt bị cáo một hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ của tội phạm. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng ...*". Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên cần phạt bị cáo một khoản tiền sung quỹ nhà nước.

[8] Đối với Lê Văn T44, Nguyễn Trọng Đ8, Đặng Văn D13, Đỗ Văn N13 là chủ sở hữu hợp pháp của các số tài khoản bị cáo T sử dụng để chiếm đoạt tiền của bị hại, quá trình điều tra xác định những người này không biết hành vi phạm tội của bị cáoThắng "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên không xử lý hình sự đối với những người này là phù hợp.

[9] Đối với Hà Thị Trà M5 là người giúp T nhờ N13 lập hộ tài khoản Ngân hàng mang tên Đỗ Văn N13, M5 không biết hành vi phạm tội của bị cáo T "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

[10] Đối với các số điện thoại 0889531555; 0888636157; 0913088148 Cơ quan điều tra đã tra cứu thông tin của các chủ thuê bao. Chủ thuê bao số điện thoại 0889531555 là chị Phạm Thị Thanh N14, sinh năm 2004, trú tại tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai (em gái T), chị N14 không biết hành vi phạm tội của bị cáo T nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11] Đối với các chủ thuê bao số điện thoại 0888636157; 0913088148 và số điện thoại đuôi 719 (T không nhớ, không kiểm tra được); cơ quan điều tra xác minh tại nơi đăng ký thường trú của các chủ thuê bao nhưng không xác định được những người này đang ở đâu, làm gì. T khai đây là những sim rác T mua trên mạng xã hội, T không biết các chủ thuê bao và không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với các chủ thuê bao này.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Có 120 bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Ngọc T bồi thường tổng số tiền 360.790.000 đồng. Do vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho 120 bị hại có yêu cầu. Còn lại các bị hại khác không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về vật chứng của vụ án: 01 căn cước công dân số 015095004898 mang tên Phạm Ngọc T; Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lương Thị T1, sinh năm 1965, trú tại tổ dân phố T, phường N, tỉnh Lào Cai là mẹ của bị cáo T là phù hợp.

Đối với các vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần được xử lý như sau: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng 128GB, số seri F2LFM90S0D41, lắp sim số thuê bao 0889531555, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng T47, trên thẻ có chữ "Do Van Nam"; 03 thẻ sim điện thoại và 01 que chọc sim, được bảo quản trong một chiếc túi zip trong suốt. Những đồ vật trên được niêm phong trong 01 phong bì của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L, mặt trước phong bì ghi "Những đồ vật bị thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Phạm Ngọc T sau khi được kiểm tra" mặt sau được dán kín các mép, tại mép dán có chữ ký, họ tên của Bùi Hồng T45, Đỗ Đức K9, Lò Văn N15, Phạm Ngọc T và các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L và 01 phong bì giấy, mặt trước phòng bì ghi "Điện thoại di động của Phạm Ngọc T sau khi kiểm tra ngày 28/6/2025", mặt sau được dán kín các mép, tại mép dán có

chữ ký, họ tên của Phạm Văn T46, Nguyễn Văn B4, Phạm Ngọc T và các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Y (sau khi lấy điện thoại ra).

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 3; 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/6/2025.

Phạt bị cáo 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường tiền cho các bị hại cụ thể như sau:

3.1. Chị Dương Thị Q3 số tiền: 3.550.000 đồng.

3.2. Chị Bùi Thị Thúy H15 số tiền: 2.550.000 đồng.

3.3. Anh Nguyễn Văn H16 số tiền: 3.280.000 đồng.

3.4. Chị Phạm Thị N4 số tiền: 300.000 đồng.

3.5. Anh Nguyễn Đức T16 số tiền: 2.575.000 đồng.

3.6. Anh Đỗ Thế D7 số tiền: 3.200.000 đồng.

3.7. Anh Nguyễn Phước L3 số tiền: 2.000.000 đồng.

3.8. Chị Nguyễn Thị Mỹ L4 số tiền: 4.480.000 đồng.

3.9. Anh Nguyễn Khắc H17 số tiền: 4.400.000 đồng.

3.10. Anh Ngô Hải Đ6 số tiền: 2.200.000 đồng.

3.11. Chị Lê Thị H19 số tiền: 2.100.000 đồng

3.12. Chị Nguyễn Thị Ái N8 số tiền: 7.955.000 đồng

3.13. Anh Điểu C8 số tiền: 3.500.000 đồng

3.14. Anh Nguyễn Trọng P4 số tiền: 2.900.000 đồng

3.15. Anh Đoàn Đức P5 số tiền: 2.200.000 đồng

3.16. Anh Đặng Ngọc H23 số tiền: 5.760.000 đồng

3.17. Anh Hà Văn H24 số tiền: 4.400.000 đồng

3.18. Anh Phan Thế C5 số tiền: 1.500.000 đồng

3.19. Anh Vũ Đức C11 số tiền: 5.700.000 đồng
3.20. Chị Nguyễn Thị H26 số tiền: 2.470.000 đồng
3.21. Anh Vùi Văn T26 số tiền: 4.485.000 đồng
3.22. Chị Bàn Thị M2 số tiền: 4.420.000 đồng
3.23. Chị Trần Thị H27 số tiền: 6.000.000 đồng
3.24. Chị Nguyễn Thị Thanh H28 số tiền: 9.350.000 đồng
3.25. Anh Mai Văn L10 số tiền: 11.260.000 đồng
3.26. Chị Trần Thị Th S4 tiền: 2.600.000 đồng
3.27. Anh Vũ Ngọc T13 số tiền: 2.300.000 đồng
3.28. Anh Nguyễn Đức D10 số tiền: 4.200.000 đồng
3.29. Chị Dương Thị Hồng T41 số tiền: 5.000.000 đồng
3.30. Chị Lương Thị T42 số tiền: 6.000.000 đồng
3.31. Anh Bùi Thế N12 số tiền: 4.800.000 đồng
3.32. Chị Nguyễn Thị T3 số tiền: 2.500.000 đồng
3.33. Anh Cháng Văn L số tiền: 3.700.000 đồng
3.34. Anh Vũ Xuân P số tiền: 5.500.000 đồng
3.35. Anh Vũ Quyết T2 số tiền: 6.240.000 đồng
3.36. Anh Hoàng Tố H1 số tiền: 2.000.000 đồng
3.37. Chị Nông Thị K1 số tiền: 2.000.000 đồng
3.38. Chị Nguyễn Thị T T3 số tiền: 9.200.000 đồng
3.39. Chị Trần Thị Thùy D S5 tiền: 3.200.000 đồng
3.40. Anh Hà Duy L1 số tiền: 3.200.000 đồng
3.41. Chị Hoàng Thị C1 số tiền: 3.000.000 đồng
3.42. Chị Lò Thị Y số tiền: 3.850.000 đồng
3.43. Chị Nguyễn Thị S số tiền: 3.850.000 đồng
3.44. Chị Trần Thị G số tiền: 2.300.000 đồng
3.45. Anh Nguyễn Tiến D4 số tiền: 3.250.000 đồng
3.46. Anh Nguyễn Thế T8 số tiền: 8.500.000 đồng
3.47. Anh Hoàng Văn C3 số tiền: 3.400.000 đồng
3.48. Anh Hoàng Trung K2 số tiền: 2.600.000 đồng
3.49. Anh Bùi Linh H8 số tiền: 4.500.000 đồng
3.50. Chị Hà Thị H9 số tiền: 7.540.000 đồng
3.51. Anh Hoàng Văn N3 số tiền: 5.500.000 đồng
3.52. Anh Lương Văn Y1 số tiền: 4.500.000 đồng
3.53. Anh Nguyễn Văn C4 số tiền: 4.100.000 đồng
3.54. Chị Lê Thị Xuân T11 số tiền: 3.200.000 đồng
3.55. Anh Đinh Văn G1 số tiền: 2.800.000 đồng
3.56. Anh Mai Văn H14 số tiền: 3.000.000 đồng
3.57. Chị Phan Thị T12 số tiền: 5.500.000 đồng
3.58. Anh Nguyễn Văn M số tiền: 2.600.000 đồng
3.59. Anh Vũ Hưng Đ4 số tiền: 2.800.000 đồng
3.60. Chị Hoàng Thị M1 số tiền: 8.000.000 đồng
3.61. Anh Lô Văn T14 số tiền: 13.500.000 đồng
3.62. Anh Trịnh Văn P3 số tiền: 4.150.000 đồng
3.63. Anh Phan Văn B số tiền: 6.800.000 đồng

3.64. Anh Nguyễn Hữu T17 số tiền: 3.260.000 đồng
3.65. Anh Hoàng Mộng L8 số tiền: 3.100.000 đồng
3.66. Anh Triệu Văn T37 số tiền: 5.760.000 đồng
3.67. Chị Triệu Thị N số tiền: 2.000.000 đồng
3.68. Anh Kiều Quang P1 số tiền: 7.500.000 đồng
3.69. Chị Lò Thị Hồng Duyên S6 tiền: 2.500.000 đồng
3.70. Anh Bùi Văn T7 số tiền: 3.900.000 đồng
3.71. Anh Lã Văn Đ2 số tiền: 5.000.000 đồng
3.72. Chị Nguyễn Thị H S7 tiền: 4.300.000 đồng
3.73. Anh Vũ Ngọc T13 số tiền: 6.120.000 đồng
3.74. Chị Dương Thị N5 số tiền: 1.500.000 đồng
3.75. Chị Lục Thị B1 số tiền: 1.500.000 đồng
3.76. Chị Vy Thị Q S8 tiền: 500.000 đồng
3.77. Anh Bùi Văn N7 số tiền: 560.000 đồng
3.78. Anh Nguyễn Hùng V2 số tiền: 500.000 đồng
3.79. Chị Thạch Hải Thu H18 số tiền: 200.000 đồng
3.80. Chị Đinh Thị T20 số tiền: 1.480.000 đồng
3.81. Anh Phạm Đăng C6 số tiền: 750.000 đồng
3.82. Chị Nguyễn Thị H S9 tiền: 1.100.000 đồng
3.83. Anh Tô Văn L6 số tiền: 1.880.000 đồng
3.84. Anh Chu Thanh T21 số tiền: 900.000 đồng
3.85. Anh Trịnh Văn H22 số tiền: 550.000 đồng
3.86. Anh Nguyễn Hồng K6 số tiền: 1.460.000 đồng
3.87. Anh Lê Văn C10 số tiền: 330.000 đồng
3.88. Anh Mai Xuân T23 số tiền: 350.000 đồng
3.89. Anh Nguyễn Thành T27 số tiền: 380.000 đồng
3.90. Anh Phạm Tuấn V4 số tiền: 500.000 đồng
3.91. Anh Đặng Ngọc T28 số tiền: 1.080.000 đồng
3.92. Anh Đinh Văn C12 số tiền: 800.000 đồng
3.93. Anh Lê Chấp D8 số tiền: 280.000 đồng
3.94. Chị Phạm Thị T34 số tiền: 1.100.000 đồng
3.95. Anh Trần Văn Quân S10 tiền: 600.000 đồng
3.96. Anh Hoàng Minh T35 số tiền: 600.000 đồng
3.97. Chị Đặng Thị C13 số tiền: 600.000 đồng
3.98. Anh Nguyễn Đức D9 số tiền: 500.000 đồng
3.99. Anh Đoàn Chí T38 số tiền: 750.000 đồng
3.100. Anh Vũ Văn H29 số tiền: 1.080.000 đồng
3.101. Anh Đào Văn T40 số tiền: 1.150.000 đồng
3.102. Chị Đoàn Thị H30 số tiền: 1.000.000 đồng
3.103. Anh Nguyễn Văn D11 số tiền: 700.000 đồng
3.104. Chị Đỗ Thị Minh S11 tiền: 650.000 đồng
3.105. Chị Trần Thị Bích S12 tiền: 1.600.000 đồng
3.106. Anh Kiều Văn D số tiền: 1.400.000 đồng
3.107. Chị Hà Thị C2 số tiền: 500.000 đồng
3.108. Anh Dương Hoàng Đức S13 tiền: 1.000.000 đồng

3.109. Chị Nguyễn Thị Như S14 tiền: 1.125.000 đồng
3.110. Anh Trần Đức S15 tiền: 1.880.000 đồng
3.111. Chị Cà Thị D6 số tiền: 1.500.000 đồng
3.112. Anh Đoàn Văn T15 số tiền: 700.000 đồng
3.113. Anh Đào Anh Đ5 số tiền: 500.000 đồng
3.114. Anh Trần Văn L7 số tiền: 1.000.000 đồng
3.115. Anh Phạm Trung H2 số tiền: 1.000.000 đồng
3.116. Chị Phạm Thị H3 số tiền: 1.300.000 đồng
3.117. Chị Đinh Thị H4 số tiền: 1.000.000 đồng
3.118. Anh Lê Quang H10 số tiền: 1.900.000 đồng
3.119. Anh Triệu Trung K3 số tiền: 800.000 đồng
3.120. Anh Nguyễn Ngọc Đ3 số tiền: 600.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Phạm Ngọc T chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu vàng, dung lượng 128GB, số seri F2LFM90S0D41, lắp sim số thuê bao 0889531555, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng T47, trên thẻ có chữ "Do Van Nam"; 03 thẻ sim điện thoại và 01 que chọc sim, được bảo quản trong một chiếc túi zip trong suốt. Những đồ vật trên được niêm phong trong 01 phong bì của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L, mặt trước phong bì ghi "Những đồ vật bị thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Phạm Ngọc T sau khi được kiểm tra" mặt sau được dán kín các mép, tại mép dán có chữ ký, họ tên của Bùi Hồng T45, Đỗ Đức K9, Lò Văn N15, Phạm Ngọc T và các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L và 01 phong bì giấy, mặt trước phòng bì ghi "Điện thoại di động của Phạm Ngọc T sau khi kiểm tra ngày 28/6/2025", mặt sau được dán kín các mép, tại mép dán có chữ ký, họ tên của Phạm Văn T46, Nguyễn Văn B4, Phạm Ngọc T và các hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Y (sau khi lấy điện thoại ra).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Lào Cai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.039.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- Công an tỉnh Lào Cai
- VKSND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- THA phạt tù (02)
- Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Lào Cai
- Bị cáo; Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA - TQĐ